

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH THÔNG TIN KINH TẾ

Lê Xuân Hoa

Phân tích kinh tế là một quá trình phát hiện những quy luật kinh tế và xác định sự biểu hiện của những quy luật ấy trong thực tế kinh tế cụ thể. Đó là sự tư duy lý thuyết các sự kiện kinh tế, nhưng không phải miêu tả các sự kiện, không phải tính xem cái gì đó hoàn thành, mà là nhằm phát hiện ra các mối liên hệ tất yếu bên trong của hiện tượng nghiên cứu.

Phân tích kinh tế phải căn cứ vào sự thực của hiện tượng đã được lượng hoá và làm cho con số biết nói để rút ra kết luận về sự biến đổi của hiện tượng trên cơ sở áp dụng các phương pháp phân tích phù hợp.

Dưới đây xin giới thiệu một số phương pháp phân tích thông tin kinh tế thông dụng trong công tác thống kê.

1. Phương pháp phân tích so sánh

Bất kỳ một thông tin kinh tế nào biểu hiện bằng số mà đứng riêng rẽ, tự nó không so sánh với những con số khác về thông tin kinh tế cùng loại thì vẫn không có tính chất tiêu biểu, nghèo nàn về nội dung. Nhưng nếu đem so sánh nó với những con số cùng loại, nó trở nên sáng rõ hơn, tiêu biểu hơn, nội dung phản ánh của nó cũng phong phú hơn.

Tuy nhiên, việc so sánh, đánh giá nhận định tình hình phải đảm bảo theo những nguyên tắc nhất định:

Các đại lượng đối chiếu phải cùng loại. Thí dụ so sánh mức sống dân cư nông thôn không thể so sánh mức sống của dân cư nông thôn nói chung, mà so

sánh mức sống dân cư nông thôn loại có mức sống giàu với giàu, nghèo với nghèo... Các đối tượng, phần tử, chỉ tiêu tham gia so sánh tử số và mẫu số phải đồng nhất về nội dung và số lượng chỉ tiêu tham gia so sánh. Thí dụ, trong kỳ nghiên cứu ta chỉ thu thập được n chỉ tiêu, còn kỳ gốc lại chỉ có $n - 1$ hoặc $n + 1$ chỉ tiêu, khi so sánh giữa hai chỉ tiêu kỳ báo cáo và kỳ gốc phải là các dạng phân số sau:

$$\frac{n_1}{n_0}, \frac{n_1 - 1}{n_0 - 1} \text{ và } \frac{n_1 + 1}{n_0 + 1}$$

Trong nhiều trường hợp với cùng không gian, nhưng hiện tượng kinh tế phát sinh lại diễn ra trong một thời gian hoàn toàn khác nhau, hoặc không phát sinh với nhiều lý do như thiên tai hay rủi ro vì sự cố kỹ thuật... Trường hợp này cũng không thể đưa đối tượng nghiên cứu tham gia so sánh vì tử số và mẫu số biểu hiện các phần tử so sánh không đồng nhất.

Các đại lượng đem so sánh phải được tiến hành theo những phương pháp giống nhau với đơn vị tính và giá cả của đại lượng đem so sánh phải nhất quán. Thí dụ tài sản cố định dùng trong sản xuất kỳ báo cáo được tính là giá so sánh thời kỳ gốc đương nhiên cũng là giá so sánh. Không có trường hợp "trái lại" kỳ gốc tính theo giá hiện hành rồi kỳ sau cũng theo giá hiện hành thì việc so sánh tài sản cố định giữa kỳ sau so với kỳ trước không có ý nghĩa về mặt so sánh. Chỉ áp dụng phương pháp tính trước sau thống nhất thì phép so sánh mới thật sự có ý nghĩa. Không thể đem chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp tính theo phương pháp SNA để so sánh với chỉ tiêu giá trị sản lượng công nghiệp tính theo phương pháp cân đối kinh tế quốc dân đã lỗi thời và không có ý nghĩa so sánh quốc tế. Khi cần so

sánh chỉ tiêu đó giữa hai thời kỳ, nhất thiết phải điều tra, chuyển đổi phương pháp để tính lại chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp thời kỳ trước đó. Đây là việc làm hết sức khó khăn, mất nhiều công sức và thời gian. Do đó nếu không quyết tâm đầu tư công sức mà cứ tùy tiện đem so sánh thì chỉ là đánh lừa dư luận không có tác dụng phục vụ quản lý trong chỉ đạo phát triển nền kinh tế quốc dân thời mở cửa

Phạm vi đối tượng đem so sánh trước sau phải thống nhất. Thí dụ, so sánh tình hình phát triển nông nghiệp (thông qua một số chỉ tiêu như sản lượng cây trồng, số đầu chăn nuôi gia súc, giá trị sản xuất trồng trọt chăn nuôi...) thuộc địa phương A với 8 huyện thị của kỳ báo cáo mà vẫn so với tình hình phát triển nông nghiệp của địa phương A kỳ gốc phải là 8 huyện, thị.

Nếu vì một lý do nào đó vẫn phải tiến hành so sánh nhưng phạm vi so sánh thời kỳ gốc không phải là 8 huyện, thị mà là 15 huyện thị (do chia tách tỉnh) thì phải điều chỉnh số liệu về sản xuất nông nghiệp chỉ bao gồm 8 huyện, thị như kỳ báo cáo. Khi đó so sánh mới phản ánh đúng thực trạng sản xuất nông nghiệp giữa hai thời kỳ đã diễn ra tại tỉnh A.

- Thời gian so sánh trong không gian phải đảm bảo thống nhất, giữa các đối tượng đem so sánh với cùng một lượng thời gian (cùng ngày, tháng, năm). Nghĩa là bảo đảm đúng nguyên tắc "so sánh là so sánh, không thể đùa với các con số"

Để tiến hành so sánh đánh giá, nhận định tình hình ngoài việc phải tuân thủ các nguyên tắc nêu trên, cần thiết và bao giờ cũng bắt đầu từ việc sắp xếp, hệ thống hoá và tính toán các chỉ tiêu đem so sánh như chỉ tiêu số tượng đối, số tuyệt đối, số bình quân và các chỉ tiêu phân tích dãy số

thời gian. Trên cái nền đó, ta chỉ có thể áp dụng một trong các cách so sánh sau đây:

So sánh kết quả thực hiện với chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong kỳ nhằm đánh giá mức độ đạt được trong kỳ (so sánh với kế hoạch).

+ So sánh các bộ phận với tổng thể nhằm nghiên cứu kết cấu và biến đổi kết cấu của hiện tượng nghiên cứu nhằm đánh giá tình hình diễn biến của tổng thể (so sánh tỷ trọng).

+ So sánh giữa các đơn vị, các bộ phận cùng một tổng thể, cùng thời gian nhằm đánh giá tình hình diễn biến của hiện tượng đem so sánh tiên tiến hay lạc

hậu, phát hiện tiềm năng tiềm tàng của các bộ phận, các đơn vị trong tổng thể.

+ So sánh giữa các chỉ tiêu có liên quan như so sánh giữa sản lượng lương thực với số lượng dân số, số lượng trâu bò cày kéo, công suất máy móc... nhằm đánh giá mức độ phổ biến của hiện tượng nghiên cứu nhiều hay ít.

Trong thực tế, khi áp dụng phương pháp so sánh nói ở trên người ta có thể vận dụng kết hợp các phương pháp so sánh bổ sung cho nhau. Chẳng hạn nếu quan sát tình hình sản lượng lúa trong hai năm theo bảng sau:

Bảng 1: Cơ cấu sản lượng lúa các năm

Đơn vị tính: %

Năm	Tổng số	Sản lượng lúa			Tổng số	Tốc độ phát triển		
		Lúa đông	Lúa hè thu	Lúa mùa		Lúa đông	Lúa hè thu	Lúa mùa
1965	100	43,00	26,04	30,96	106,1	102,2	115,5	104,5
1996	100	46,25	26,05	27,70	106,7	113,7	105,8	94,6

Theo số liệu bảng trên trong hai năm sản lượng lúa vụ đông đều chiếm tỷ trọng nhiều hơn từ 43 → 46,25%. Tiếp đến lúa mùa và sau cùng là lúa hè thu từ 26,04 → 26,05%.

Nếu chỉ so sánh chỉ tiêu sản lượng lúa qua hai thời kỳ thời, thì việc nhận định đánh giá tình hình sản xuất lương thực tăng giảm so với cùng kỳ chưa đầy đủ và xác đáng nếu như không phân tích chủ trương này với các chỉ tiêu có liên quan như chỉ tiêu phát triển dân số lương thực trên đầu người, tình hình xuất khẩu gạo... Trái lại, nếu so sánh kết hợp giữa các chỉ tiêu vừa nêu chắc chắn kết luận, đánh giá tình hình sản xuất lương thực sẽ rõ nét hơn.

2. Phương pháp phân tích nguyên nhân.

Có nhiều phương pháp phân tích nguyên nhân như phương pháp phân tổ, phương pháp lập bảng số, phương pháp cân đối, phương pháp đồ thị và phương pháp chỉ số. Trong đó phương pháp phân tổ và chỉ số được sử dụng nhiều hơn cả. Trong phương pháp phân tổ thì phương pháp phân tổ phân loại được sử dụng nhiều nhất đứng vị trí hàng đầu trong việc phân tích các hiện tượng kinh tế xã hội. Thí dụ nghiên cứu phân tích tình hình của hoạt động sản xuất nông nghiệp thông qua chỉ tiêu giá trị sản xuất nông nghiệp nếu được phân loại chi tiết thành phân loại giá trị sản xuất trồng trọt, giá trị sản xuất chăn nuôi và chi tiết hơn trong trồng trọt lại phân thành giá trị sản xuất cây hằng năm, cây lâu năm... trong chăn nuôi lại

phân thành giá trị sản xuất của các vật nuôi, gia súc, gia cầm... thì có thể dễ dàng rút ra kết luận về nguyên nhân của sự tăng trưởng sản xuất nông nghiệp kỳ báo cáo so với kỳ gốc là do yếu tố nào tác động chủ yếu.

Khác với phương pháp phân tổ, phương pháp chỉ số có thể mạnh là qua phân tích ta có thể tính được cụ thể mức độ tác động của từng yếu tố đối với tổng thể nghiên cứu. Mặt khác, phương pháp chỉ số dùng để phân tích nguyên nhân còn có ưu thế hơn hẳn các phương pháp phân tích

nguyên nhân khác ở chỗ: phương pháp chỉ số không chỉ phân tích cho từng đơn vị riêng biệt, mà còn có thể phân tích cho toàn bộ tổng thể bằng các chỉ tiêu hiện vật và giá trị.

Chẳng hạn, kết hợp phương pháp phân loại và phương pháp chỉ số để phân tích số liệu bình quân kết hợp với phân tích tổng thể để phân tích nguyên nhân tăng giảm sản lượng lúa qua hai thời kỳ theo công thức tổng quát:

$$\frac{\overline{N_1 \Sigma D_1}}{\overline{N_0 \Sigma D_0}} = \frac{\overline{N_1 \Sigma D_1}}{\overline{N_{01} \Sigma D_1}} \times \frac{\overline{N_{01} \Sigma D_1}}{\overline{N_{01} \Sigma D_1}} \times \frac{\overline{N_0 \Sigma D_1}}{\overline{N_0 \Sigma D_0}}$$

Bảng 2: Diện tích, năng suất, sản lượng lúa qua hai thời kỳ.

Phân tổ phân loại lúa theo mùa vụ	1995			1996			Sản lượng tính theo $N_0 D_1$ (1000 tấn) $N_0 D_1$
	Năng suất (tạ/ha) N_0	Diện tích (1000ha) D_0	Sản lượng (1000 tấn) $N_0 D_0$	Năng suất (tạ/ha) N_1	Diện tích (1000ha) D_1	Sản lượng (1000tấn) $N_1 D_1$	
A	1	2	3 = 1 x 2	4	5	6 = 4 x 5	7 = 1 x 5
1. Đ. Xuân	43,34	2421,3	10493,9	48,04	2541,1	12207,4	11013,12
2. Hè thu	37,30	1742,4	6499,1	34,66	1984,2	6877,2	7401,06
3. Mùa	29,69	2601,9	77250	29,48	2478,5	7306,6	7358,66
	36,53	6765,6	24,718,0	37,60	7003,8	26391,2	25772,8

Điền số liệu bảng hai vào công thức ta có

$$\frac{26,3912}{24,7180} = \frac{26,3912}{25,7728} \times \frac{25,7728}{25,5848} \times \frac{25,5848}{24,7180}$$

Số tương đối: 106,76% = 102,40% x 100,78% x 103,58%

Số tuyệt đối: 6,76% = 2,40% + 0,78% + 3,58%

1,5732 triệu = 0,6184 triệu + 0,188 triệu + 0,7668 triệu

Sản lượng lúa cả nước năm 1996 so với 1995 tăng 6,76% hay 1,5732 triệu tấn là do:

1. Bản thân tăng năng suất lúa từng loại (xuân, hè, thu) tăng chung 2,40%. Hay 0,6184 triệu tấn.

2. Kết cấu diện tích lúa năm sau so với năm trước thay đổi làm cho sản lượng lúa chung cả nước tăng 0,78% hay 0,1880 triệu tấn.

3. Tổng diện tích cây lúa năm sau so với năm trước tăng 3,58% hay 0,7668 triệu

tấn. Như vậy trong 3 nguyên nhân tác động đến tăng giảm sản lượng lúa chủ yếu là do tăng diện tích, tiếp đến là do tăng năng suất lúa của từng loại.

Loại phân tích nguyên nhân tình hình hiện tượng nghiên cứu như trên trong thực tế hoạt động công tác thống kê ở nước ta báo cáo cho lãnh đạo (người dùng tin) chưa thấy thể hiện bao giờ. Vì vậy, không xác định được cụ thể nguyên nhân bằng số của từng yếu tố tác động đến tổng thể. Thông thường chỉ là so sánh số liệu (sản lượng lúa giữa hai năm), qua đó nhận xét trực quan về sự tăng giảm của hiện tượng, chứ không chỉ ra được yếu tố tác động nào là chủ yếu. Do vậy tính thuyết phục của báo cáo không cao.

3. Các giải pháp và hướng khắc phục sau phân tích nguyên nhân.

Nêu phương hướng và biện pháp giải quyết là kết quả việc so sánh và phân tích nguyên nhân. Việc nêu phương hướng hoặc kiến nghị, hay nêu biện pháp khắc phục trong từng trường hợp phân tích còn phải căn cứ vào mục đích nghiên cứu và yêu cầu sử dụng thông tin của người quản lý và điều kiện cụ thể của từng địa phương, ngành kinh tế mà nêu hướng giải quyết trên cơ sở những thông tin bằng số đã được xác định qua phân tích nguyên nhân. Thực ra phân tích nguyên nhân

bằng phương pháp chỉ số kết hợp với phương pháp phân tổ, phân loại nêu trên chỉ là một trường hợp thông dụng nhưng giản đơn khi ta xét đến các yếu tố tác động đến sự biến đổi của hiện tượng. Nhưng trên thực tế phân tích đâu chỉ có giản đơn như vậy bởi bản thân từng yếu tố chúng còn tác động lẫn nhau làm thay đổi tổng thể hiện tượng nghiên cứu. Thí dụ: việc đầu tư thâm canh cây trồng không chỉ làm cho sản lượng cây trồng tăng, mà chính việc đầu tư này cũng tác động đến diện tích cây trồng làm cho đất thêm màu mỡ hơn, khi đó chúng lại tác động trở lại với cây trồng làm cho sản lượng tăng thêm.

Để làm một báo cáo phân tích kinh tế năm, ngoài việc phải tổ chức chu đáo việc thu thập thông tin theo kế hoạch từ đầu năm. Căn cứ vào yêu cầu dùng tin của lãnh đạo trong từng thời kỳ phát triển kinh tế, tiến hành phân loại và chọn lọc những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp chủ yếu có liên quan đến việc điều hành và chỉ đạo nền kinh tế trong từng thời gian và không gian nhất định để tiến hành phân tích theo đúng phương pháp phân tích kinh tế. Nhiệm vụ này cần phải giao cho những chuyên gia giỏi về phân tích kinh tế đảm nhiệm mới đạt kết quả tốt.